TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/DS-PT
Ngày: 21– 5 – 2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hườn, ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2024/TLPT-DS ngày 27/3/2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2024/QĐXX-PT ngày 24/4/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2024/QĐHPT-PT ngày 10/05/2024, giữa các đương sự:

1 - *Nguyên đơn:* Ông Phan Quang Đ. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh C. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2 - *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công H. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3 - *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Chế Thị Đ. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Quang Đ, bị đơn ông Nguyễn Công H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Quang Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Minh C trình bày:

Vào ngày 06/7/2023 ông Phan Quang Đ và ông Nguyễn Công H đã ký kết "Hợp đồng mua bán sầu riêng năm 2023" với nội dung: Bên A (Ông Phan Quang Đ)

đồng ý mua sầu riêng của bên B (Ông Nguyễn Công H) trên diện tích 7 sào/120 cây sầu riêng Đô na, tương ứng khoảng 10 tấn với giá thỏa thuận là 61.000đ/kg. Ngoài ra, tại hợp đồng còn có các nội dung thỏa thuận của các bên về quy cách, chất lượng sản phẩm, về trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng bên A đã đặt cọc cho bên B số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận số tiền cọc sẽ được trừ vào lần cắt cuối cùng, nếu bên B bán sầu riêng cho người khác hoặc cho người khác vào cắt, hoặc tự ý cắt bớt số sầu riêng trong vườn thì bên B phải chịu bồi thường thiệt hại (Phạt vi phạm) cho bên A gấp 5 lần số tiền đã đặt cọc cho bên B. Nếu bên A không cắt sầu riêng trong thời gian hợp đồng sẽ mất tiền cọc cho bên B.

Ngày 15/9/2023 ông Đ vào vườn để cắt sầu riêng, nhưng chỉ cắt được 669kg quả đạt chất lượng và đã thanh toán số tiền của đợt cắt này. Ông Đ hẹn 03 ngày sau, tức là ngày 18/9/2023 sẽ vào cắt tiếp. Tuy nhiên, ngày 16/9/2023 ông H đã bán toàn bộ vườn sầu riêng cho người khác.

Việc ông H vi phạm nội dung đã cam kết tại hợp đồng đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Vì vậy, Tại đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường thiệt hại cho ông Đ với tổng số tiền 750.000.000đ do đã vi phạm hợp đồng, bao gồm: Hoàn trả lại số tiền cọc đã nhận là 150.000.000đ, tiền phạt cọc là 600.000.000đ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu phạt cọc, cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường thiệt hại cho ông Đ với tổng số tiền 450.000.000đ do đã vi phạm hợp đồng, bao gồm: Hoàn trả lại số tiền cọc đã nhận là 150.000.000đ, tiền phạt cọc gấp đôi tiền đặt cọc là 300.000.000đ, đồng thời yêu cầu buộc bà Chế Thị Đ chịu trách nhiệm liên đới cùng ông H trong việc thực hiện nghĩa vụ cho ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Ông công nhận vào ngày 06/7/2023 giữa ông với ông Phan Quang Đ đã ký kết hợp đồng mua bán sầu riêng với nhau. Nội dung hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Ông công nhận đã nhận của ông Đ số tiền đặt cọc là 150.000.000đ. Hai bên có thỏa thuận số tiền cọc sẽ được trừ vào lần cắt cuối cùng, nếu bên bán bán sầu riêng cho người khác, hoặc cho người khác vào cắt, hoặc tự ý cắt bớt số sầu riêng trong vườn thì bên bán phải chịu bồi thường thiệt hại cho ông Đ gấp 5 lần số tiền đã đặt cọc. Nếu ông Đ không cắt sầu riêng trong thời gian hợp đồng sẽ mất tiền cọc.

Khi thấy sầu riêng đã rụng và đã đến tuổi cắt, ông đã nhiều lần gọi điện cho ông Đ vào để cắt, ông Đ vào xem nhưng lúc thì bảo là chưa cắt được, lúc thì nói là do kho đang đóng cửa. Đến ngày 15/9/2023 ông Đ cho người vào cắt, nhưng chỉ cắt 669kg và có nói sầu riêng chưa đạt, mặc dù lúc đó sầu riêng có nhiều trái đã già và đã rụng và người phụ trách kỹ thuật có nói với ông là sầu riêng đã đạt tuổi nhưng phía công ty thu mua chưa cho cắt. Do thấy tại thời điểm đó có nhiều trái đã già nhưng ông Đ chỉ cắt số lượng ít và hẹn ba ngày sau (Tức là ngày 18/9/2023) sẽ tiếp tục vào cắt, nhưng ông không đồng ý (Chỉ nói miệng, không có văn bản). Ông thấy bên mua có dấu hiệu giam vườn chờ giá, nên theo

trong hợp đồng ông đã tự chấm dứt hợp đồng với ông Đ và ngày 16/9/2023 ông đã gọi người khác vào bán hết vườn sầu riêng với giá 54.000đ/kg.

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phạt cọc của ông Phan Quang Đ, bởi vì ông Đ không thực hiện đúng nội dung đã cam kết tại hợp đồng, vì khi sầu riêng đã đủ tuổi cắt nhưng ông Đ không chịu cắt. Mặt khác, vườn sầu riêng là tài sản chung của vợ chồng ông, nhưng việc ông ký hợp đồng bán sản phẩm cho ông Đ thì không có sự đồng ý của vợ ông. Vì vậy, nay ông đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán giữa ông với ông Đ vô hiệu, ông chấp nhận trả lại số tiền cọc 150.000.000đ và không chấp nhận phạt cọc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị Đ trình bày:

Vườn sầu riêng mà chồng bà (Ông Nguyễn Công H) hợp đồng bán cho ông Phan Quang Đ là tài sản chung của vợ chồng bà. Khi ký hợp đồng bán sầu riêng cho ông Đ thì bà có biết nhưng không đồng ý và việc ký hợp đồng không có sự thống nhất của bà. Thời điểm đó bà không rõ nội dung hợp đồng giữa chồng bà với ông Đ. Việc ông H nhận 150.000.000đ tiền đặt cọc của ông Đ thì bà có biết nhưng bà không đồng ý với việc chồng bà nhận tiền. Vườn sầu riêng là tài sản chung của vợ chồng. Việc ông Đ và ông H ký kết hợp đồng không có sự đồng ý của bà là vi phạm pháp luật. Vì vậy đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán giữa ông H với ông Đ vô hiệu. Đối với số tiền ông H đã nhận của ông Đ thì hai bên tự giải quyết với nhau, không liên quan đến bà, đối với yêu cầu chịu trách nhiệm liên đới bà không chấp nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST, ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 328, 401 và 428 của Bộ luật dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trả lại tiền cọc, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc phạt cọc:

Buộc ông Nguyễn Công H trả lại cho ông Phan Quang Đ số tiền đặt cọc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền phạt cọc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng cộng là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu phạt cọc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2024, Nguyên đơn ông Phan Quang Đ có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Công H cùng ngày có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những tình tiết chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự nhận thấy yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Quang Đ là có căn cứ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 01/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị đơn ông Nguyễn Công H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị Đ phải liên đới trả cho nguyên đơn ông Phan Quang Đ tổng số tiền là 450.000.000 đồng, trong đó 150.000.000 đồng tiền cọc và 300.000.000 đồng tiền phạt cọc. Áp dụng, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Quang Đ và bị đơn ông Nguyễn Công H làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Công H và và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công H.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quang Đ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét hợp đồng đặt cọc nhận thấy:

Ngày 06/7/2023 ông Phan Quang Đ và ông Nguyễn Công H đã ký kết hợp đồng mua bán Sầu riêng năm 2023 với nhau, cụ thể ông Đ mua sầu riêng quả tươi của gia đình ông H trên diện tích 7.000 m^2, trong diện tích đất trên có 120 cây sâu riêng, tại thôn Đ, xã Y, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, với giá các bên thỏa thuận 61.000 đồng/01kg. Để thực hiện hợp đồng nguyên đơn ông Đ đã đặt cọc trước cho bị đơn ông H với số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) nếu bị đơn ông H vi phạm hợp đồng đặt cọc, thì phải hoàn trả số tiền đặt cọc trên cho nguyên đơn ông Đ, ngoài ra còn phải chịu phạt cọc cho nguyên đơn ông Đ gấp 5 lần số tiền đã

đưa trước cho bị đơn ông H. Việc cắt sầu riêng được thực hiện làm 03 đợt và mỗi đợt cách nhau 07 đến 10 ngày, khi bên bán báo thì bên mua phải vào cắt, với điều kiện sầu riêng đã đủ tuổi để cắt. Việc giao kết hợp đồng mua bán quả sầu riêng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên ký kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự và hợp đồng có hiệu lực (Bl số 88).

Ngày 15/9/2023 ông Đ thực hiện đợt cắt đầu tiên được 669 kg quả sầu riêng, đã thanh toán tiền xong cho ông H, bà Đ và hẹn bị đơn 03 ngày sau sẽ cắt tiếp. Đến ngày 16/9/2023 bị đơn ông H tiếp tục ký hợp đồng mua bán sầu riêng với ông Trần Ngân T, ở huyện K, tỉnh Đắk Lắk (BL 31) . Như vậy, việc ông H đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Đ mà không thông báo cho ông Đ là vi phạm hợp đồng đăt cọc lập ngày 06/7/2023 với nguyên đơn ông Đ và vi phạm vào Điều 428 Bộ luật dân sự. Như vậy ông H là người vi phạm thỏa thuận, dẫn đến hợp đồng không thực hiện được. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm phạt cọc 01 lần đối với bị đơn ông H là trái với thỏa thuận đặt cọc giữa các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc ngày 06/7/2023 và đây là hợp đồng có thỏa thuận khác được quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự. Xét về điều khoản phạt cọc mà ông Đ và ông H đã thỏa thuận. *"Nếu bên B ông H vi phạm thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A gấp 5 lần số tiện đã đăt cọc cho bên B"*. Tuy nhiên bên A ông Đ chỉ yêu cầu phạt coc 02 lần đối với bên ông H. Việc rút phạt cọc trên của ông Đ là hoàn toàn tự nguyên nên cần chấp nhận với số tiền phạt cọc 02 lần là 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Chế Thị Đ chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông H trả số tiền trên cho ông Phan Quang Đ thấy: Như phân tích nhận định trên; Cần phải hủy "Hợp đồng đặt cọc để mua bán quả sầu riêng năm 2023" giữa ông Phan Quang Đ với ông Nguyễn Công H, bản thân bà Chế Thị Đ là vợ của ông H, tuy không ký vào hợp đồng nhưng mặc nhiên bà đồng ý cho ông H bán sầu riêng như hai ông đã thỏa thuận, số tiền 150.000.000 đồng mà ông H nhận cọc từ hợp đồng, ông H, bà Đ đều chi tiêu trong gia đình nên bà Chế Thị Đ phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông H phải trả số tiền trên cho ông Đ là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chập nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quang Đ là có cơ sở. Hủy "Hợp đồng mua bán sầu riêng năm 2023" lập ngày 06/7/2023, giữa ông Phan Quang Đ gọi tắt là bên (A) với ông Nguyễn Công H, gọi tắt là bên (B). Buộc ông Nguyễn Công H và bà Chế Thị Đ phải liên đới trả cho ông Phan Quang Đ với tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Trong đó bao gồm 150.000.000 tiền đặt cọc trước và 300.000.000 đồng tiền phạt coc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Do kháng cáo và yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Phan Quang Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 00025161 ngày 26/02/2024 do ông Hồ Văn V, nộp thay cho ông Phan Quang Đ được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk và số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

17.000.000 đồng mà ông Hoàng Văn L nộp thay theo biên lai số 0002262 ngày 03/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk.

Bị đơn Ông Nguyễn Công H và bà Chế Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với giá gạch (450.000.000 đồng x 5%) = 22.500.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H, bà Đ thuộc hộ cận nghèo (BL số 48) và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Quang Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 01/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, và Điều 271 Áp dụng, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điếu 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 328, 401 và 428 của Bộ luật dân sự; Điều 27,37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Quang Đ. Hủy "Hợp đồng mua bán sầu riêng năm 2023" lập ngày 06/7/2023, giữa ông Phan Quang Đ gọi tắt là bên (A) với ông Nguyễn Công H, gọi tắt là bên (B). Buộc ông Nguyễn Công H và bà Chế Thị Đ phải liên đới trả cho ông Phan Quang Đ với tổng số tiền là 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*. Trong đó bao gồm 150.000.000 tiền đặt cọc trước và 300.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 348 Bộ luật dân sự sơ thẩm để tính lãi xuất đối với khoản tiền phải thi hành, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án.

[2] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Phan Quang Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0002561 ngày 26/02/2024 do ông Hồ Văn V, nộp thay cho ông Phan Quang Đ được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk và số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 17.000.000 đồng mà ông Hoàng Văn Linh nộp thay theo biên lai số 0002262 ngày 03/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk.

Bị đơn ông Nguyễn Công H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng